

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:231/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Đề án thí điểm phát triển
nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển (nuôi biển) tỉnh Khánh Hoà theo hướng: (1) góp phần tăng năng suất, giá trị ngành nuôi trồng thủy sản và nâng cao thu nhập của người dân nuôi biển và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan thông qua việc giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội, hướng tới xuất khẩu thủy sản với tiêu chuẩn cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; (2) bảo vệ môi trường biển, hướng tới phát triển kinh tế biển bền vững, từng bước hình thành vùng nuôi biển từ 3 đến 6 hải lý, vừa đảm bảo phát triển kinh tế biển, vừa giảm áp lực nuôi biển ven bờ; (3) bảo đảm giảm thiểu xung đột về không gian phát triển giữa các ngành kinh tế tại các khu vực nuôi biển.

2. Mục tiêu cụ thể

Thời gian thí điểm nuôi biển công nghệ cao đến hết năm 2029, với mục tiêu cụ thể như sau:

- Vùng biển đến 3 hải lý: diện tích thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao đạt 240 ha, sản lượng đạt hơn 3.600 tấn.

- Vùng biển từ 3 đến 6 hải lý, diện tích thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao đạt 200 ha, sản lượng đạt hơn 5.100 tấn.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Phát triển sản xuất giống phục vụ nuôi biển công nghệ cao

- Nghiên cứu, áp dụng những thành tựu công nghệ mới về gia hóa và chọn giống nhằm liên tục cải tiến chất lượng của con giống bố mẹ. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong sản xuất giống để sản xuất, ương dưỡng con giống đủ số lượng, đảm bảo chất lượng phục vụ nuôi thương phẩm.

- Ưu tiên nghiên cứu, chọn tạo giống phục vụ nuôi biển phù hợp với kế hoạch phát triển của tỉnh, tập trung: Nhóm cá biển (cá song/mú, cá vược/chêm, cá chim vây vàng); Nhóm giáp xác (tôm hùm xanh, tôm hùm bông); Nhóm nhuyễn thể (mực, hào...); Nhóm rong tảo biển (rong câu chỉ vàng, rong sụn, rong mứt, tảo biển...) và các đối tượng khác phục vụ nuôi biển.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn giống thủy sản, đặc biệt quan tâm bảo vệ, khai thác hợp lý đối với một số giống loài nuôi biển đang phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên (như tôm hùm bông, tôm hùm xanh), đảm bảo không xâm hại đến nguồn lợi tự nhiên và phát triển bền vững.

2. Phát triển công nghệ nuôi thương phẩm

- Ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến như: công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT) giám sát vật nuôi và an ninh, công nghệ năng lượng mặt trời, công nghệ cho ăn tự động, công nghệ giám sát môi trường tự động, công nghệ vật liệu mới vào nuôi biển nhằm tạo sản phẩm giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường và phát triển xanh.

- Xây dựng tiêu chí, phân loại lồng bè ở các mức tiêu chuẩn, công nghệ cao khác nhau (phù hợp khu vực, vùng nuôi, quy mô nuôi, cấp bão chịu đựng,...) để áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho lồng bè, an toàn cho người lao động tham gia nuôi biển trước các điều kiện thời tiết không thuận lợi (gió, bão,...).

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển nuôi biển tích hợp đa đối tượng, có kết hợp với du lịch biển trong điều kiện đặc thù của vùng biển tỉnh Khánh Hòa.

- Nghiên cứu công nghệ trồng cây rong tảo tạo ra sinh khối lớn cung cấp nguyên liệu cho ngành thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, sản xuất nhiên liệu sinh học và ứng dụng trong đời sống dân sinh.

3. Về quan trắc môi trường, chủ động phòng chống dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Duy trì hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng chống dịch bệnh các đối tượng nuôi biển. Áp dụng những thành tựu của công nghệ 4.0 nâng cao hiệu quả công tác quan trắc, cảnh báo sớm tác động môi trường và phòng chống dịch bệnh trên các đối tượng nuôi biển. Tiến tới xây dựng, vận hành hệ thống quan trắc cảnh báo sớm môi trường, dịch bệnh nghề nuôi biển một cách chủ động.

- Đầu tư và áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào quản lý và sản xuất ở những vùng nuôi biển tập trung, hạn chế rủi ro, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển sản xuất bền vững.

- Đánh giá tác động môi trường, sức tải môi trường phục vụ nuôi biển.

4. Về dịch vụ hậu cần nuôi biển

- Rà soát, đánh giá về thực trạng và nhu cầu hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nuôi biển làm cơ sở đầu tư dịch vụ hậu cần nuôi biển.

- Hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng vật liệu mới để phát triển, hoàn thiện công nghệ sản xuất lồng, bè phù hợp với từng loài thủy sản nuôi, có khả năng chống chịu sóng to, bão, thuận tiện cho theo dõi, chăm sóc, quản lý và thu hoạch.

- Nghiên cứu, hợp tác, chuyên giao công nghệ, phát triển công nghệ cho việc từng bước hình thành đội tàu dịch vụ hậu cần phục vụ nuôi biển theo hướng đa chức năng, từ vận chuyển giống, thức ăn đến thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Hợp tác, liên kết phát triển công nghiệp phục vụ cho nuôi biển (thiết bị giám sát lồng nuôi, thiết bị giám sát môi trường tự động, hệ thống cho ăn thông minh...).

- Phối hợp các lực lượng hoạt động trên biển để tổ chức di dời người, lồng bè khi có các sự cố trên biển, đảm bảo an toàn và giảm thiểu nhất về mức độ thiệt hại.

- Hoàn thiện hệ thống phân phối, vận chuyển sản phẩm phục vụ nuôi biển.

5. Về bảo quản và tiêu thụ sản phẩm

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thu hoạch sạch (clean harvest), các công nghệ tương tự khác trong tích hợp thu hoạch và sơ chế vật nuôi trực tiếp trên biển, tạo ra sản phẩm sạch, bảo quản ở nhiệt độ thấp trước khi đưa vào chế biến sâu.

- Liên kết dọc theo chuỗi sản xuất con giống, vật nuôi thương phẩm, chế biến sản phẩm đến thị trường tiêu thụ. Xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm đặc thù như tôm hùm bông, tôm hùm xanh, cá chim vây vàng, cá chẽm tại Khánh Hòa. Xây dựng bảo hộ chỉ dẫn địa lý nuôi biển.

6. Về chuyển đổi công nghệ nuôi biển đến 3 hải lý

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong nuôi biển.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư nuôi biển công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sản phẩm áp dụng công nghệ tiên tiến để tạo sản phẩm có giá trị gia tăng.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trong nuôi biển.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển đổi công nghệ nuôi từ vật liệu truyền thống sang công nghệ vật liệu mới.

- Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ chuyển đổi công nghệ nuôi sử dụng vật liệu truyền thống sang lồng nuôi sử dụng vật liệu mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Nghiên cứu các giải pháp chuyển đổi công nghệ nuôi biển ven bờ tại Khánh Hòa (xây dựng mô hình thí điểm làm cơ sở để chuyển đổi).

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Vị trí nuôi và đối tượng nuôi

- Căn cứ hiện trạng, điều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn, môi trường các vùng biển trên địa bàn tỉnh, kết hợp kỹ thuật nuôi biển công nghệ cao để tiến hành lựa chọn các khu vực nuôi biển ở vùng biển đến 3 hải lý và một số khu vực nuôi biển tiềm năng ở vùng biển từ 3 hải lý đến 6 hải lý tại Khánh Hòa cho phù hợp.

- Đối tượng nuôi được xác định dựa trên khả năng chủ động cung cấp con giống, thích hợp với thức ăn công nghiệp, thích nghi với môi trường, loại lồng nuôi, tốc độ tăng trưởng nhanh, kháng được các bệnh thông thường, thị trường tiêu thụ (có giá trị kinh tế) và kinh nghiệm thực tiễn nuôi trồng thủy sản trên biển, lựa chọn một số đối tượng nuôi có tiềm năng phát triển như: Cá chẽm (*Lates calcarifer*); cá chim vây vàng (*Trachinotus spp*), cá bớp/cá giò (*Rachycentron canadum*), cá chim vây vàng (*Trachinotus spp*), cá mú lai (♂ *Epinephelus lanceolatus* X ♀ *Epinephelus*), cá bẹ đung (*Gnathanodon speciosus*), cá bẹ vâu (*Caranx ignobilis*), cá hồng mỹ (*Sciaenops ocellatus*); tôm hùm xanh (*Panulirus homarus*), tôm hùm bông (*Panulirus ornatus*); hào Thái Bình Dương (*Crassostrea gigas*), rong biển... Ngoài ra, có thể áp dụng phương thức nuôi đa loài tích hợp (IMTA) gồm các loài như cá, giáp xác, nhuyễn thể, rong biển.

2. Công nghệ nuôi biển đến 3 hải lý

Áp dụng tổ hợp công nghệ lồng nuôi bằng vật liệu mới (HDPE, FRP...) có thể di chuyển được; lồng bán chìm linh động, nhiều tầng, phao nổi, kết hợp các công nghệ hỗ trợ như: công nghệ cho ăn tự động, giám sát các yếu tố môi trường tự động (đo đặc, quan trắc các yếu tố môi trường cơ bản có liên quan trực tiếp đến vật nuôi), công nghệ năng lượng mặt trời, camera giám sát hoạt động sống của vật nuôi (trong phạm vi lồng nuôi và vùng nước lân cận nhỏ hơn 10 m).

3. Công nghệ nuôi biển từ 3 đến 6 hải lý

Công nghệ nuôi biển từ 3 đến 6 hải lý sử dụng lồng nuôi bằng vật liệu mới với dạng lồng tròn nổi, kết hợp với các công nghệ hiện đại khác:

- Công nghệ cho ăn tự động.

- Công nghệ "Clean Harvest" tích hợp công nghệ thu hoạch và sơ chế cá trực tiếp trên biển, tạo ra sản phẩm "cá sạch", bảo quản ở nhiệt độ 4°C và đưa vào nhà máy chế biến.

- Công nghệ giám sát môi trường tự động quản lý trang trại nuôi biển cho phép quản lý các trang trại, lồng nuôi biển (đo đạc, quan trắc các yếu tố môi trường cơ bản có liên quan trực tiếp đến thủy sản nuôi).

- Công nghệ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo: Chủ động năng lượng cho nuôi biển từ 3 đến 6 hải lý bằng việc sử dụng điện gió, điện mặt trời hoặc năng lượng tái tạo khác và các giải pháp kết hợp khác.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển

- Theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ để thực hiện chuyển đổi lồng bè nuôi biển bằng vật liệu truyền thống sang lồng bè nuôi biển bằng vật liệu mới (HDPE, FRP...) phù hợp với đối tượng, khu vực biển và từng giai đoạn.

- Áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, các Nghị quyết của Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định pháp luật.

2. Về quản lý và tổ chức sản xuất

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Thủy sản 2017 và các quy định hiện hành đảm bảo các cơ sở nuôi biển hoạt động đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, từ con giống, vật tư đầu vào, vật liệu làm lồng, nuôi thương phẩm đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ đóng vai trò hạt nhân liên kết và tổ chức chuỗi sản xuất.

- Tổ chức lại các cơ sở nuôi nhỏ lẻ, phân tán theo hình thức quản lý có sự tham gia của cộng đồng, trong đó chú trọng các mô hình Tổ hợp tác, Hợp tác xã nhằm tăng cường giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm an toàn sinh học và chung tay bảo vệ môi trường.

- Kêu gọi các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đầu tư đồng bộ các khâu vào phát triển nuôi biển. Ưu tiên các mô hình tổ chức liên kết, liên doanh sản xuất giữa các khâu từ ương giống, sản xuất cung cấp thức ăn, nuôi thương phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng cơ chế liên kết giữa nuôi biển với hoạt động các ngành kinh tế khác để tận dụng hệ thống cơ sở hạ tầng và hỗ trợ các hoạt động sản xuất trên biển; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động cùng lúc nhiều lĩnh vực trên biển: Nuôi biển, du lịch, vận tải biển, khai thác và chế biến. Ưu tiên phát triển công nghệ và đội tàu vận chuyển sản phẩm nuôi biển sống, giá trị cao đến thị trường trong và ngoài nước.

- Khuyến khích thành lập các tổ liên kết và hợp tác xã nuôi biển.

- Quản lý, giám sát các đơn vị, doanh nghiệp triển khai dự án nuôi trồng thủy sản sử dụng đất, khu vực biển đúng mục đích; phối hợp giữa các ngành, địa phương trong việc thẩm định cấp đất, khu vực biển nuôi trồng thủy sản theo quy định. Định hướng các tổ chức cá nhân tham gia nuôi biển công nghệ cao phải đăng ký, được cấp giấy chứng nhận về địa điểm, diện tích lồng nuôi theo quy định. Tổ chức, sắp xếp lại vùng nuôi biển truyền thống hiện có.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ; Hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường

- Triển khai thử nghiệm, đánh giá tính hiệu quả của các mô hình lồng nuôi mới (đề xuất) như mô hình lồng bán chìm linh động - 2 tầng, mô hình lồng tròn cho nuôi cá; tiến tới thiết kế hệ thống lồng, nhà bè hợp lý; phân vùng neo đậu lồng nuôi theo quy định.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm có phân kỳ để giải quyết các vấn đề về:

+ Phát triển nguồn giống nuôi biển công nghệ cao, gồm: thực hiện xã hội hóa hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong sản xuất giống để sản xuất, ương dưỡng con giống, đảm bảo chất lượng phục vụ nuôi thương phẩm; khuyến khích các tổ chức, cá nhân chọn giống phục vụ nuôi biển phù hợp, tập trung vào nhóm giá trị kinh tế cao;

+ Thức ăn phục vụ nuôi biển: quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường thủy sản theo quy định; nghiên cứu quy trình sản xuất thức ăn công nghiệp cho một số đối tượng hải sản có giá trị kinh tế; thu hút nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước phát triển công nghiệp sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi biển có công nghệ hiện đại;

+ Công nghệ nuôi, công nghệ hỗ trợ và dịch vụ nuôi biển công nghiệp: nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới vào nuôi biển nhằm tạo sản phẩm giá trị gia tăng và giảm thiểu phát thải các khí nhà kính, bảo vệ môi trường; tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư trong nước và quốc tế hỗ trợ chuyên gia khoa học công nghệ đối với thiết kế, vật liệu làm lồng bè; công nghệ sản xuất giống, thức ăn, nuôi thương phẩm, phòng trị bệnh và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và sản xuất cho nuôi biển;

+ Quan trắc môi trường, phòng chống dịch bệnh, cảnh báo sớm sự cố môi trường - dịch bệnh, chủ động, thích ứng với biến đổi khí hậu: áp dụng những thành tựu của công nghệ 4.0 nâng cao hiệu quả công tác quan trắc, cảnh báo sớm tác động môi trường và phòng chống dịch bệnh trên các đối tượng nuôi biển. Nghiên cứu và sản xuất một số vắc-xin phòng, trị bệnh cho các đối tượng thủy sản; chế phẩm sinh học xử lý ô nhiễm môi trường thủy sản. Trang bị hệ thống thông tin liên lạc cho tất cả các hoạt động nuôi biển để thông tin kịp thời nếu có sự cố xảy ra. Liên kết, hợp tác các lực lượng, các hoạt động trên biển tổ chức các hoạt động di dời người, lồng bè khi có các sự cố trên biển đảm bảo an toàn cho người và tài sản nhằm giảm thiểu nhất về mức độ thiệt hại.

- Giải pháp bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển (khi triển khai thực hiện nuôi biển công nghệ cao tại tỉnh Khánh Hòa). Đảm bảo số lượng lồng, khoảng cách lồng nuôi phù hợp ở từng vùng, từng đối tượng nuôi nhằm bảo vệ môi trường, bảo vệ các hệ sinh thái biển góp phần phát triển bền vững kinh tế biển của địa phương.

- Giải pháp thu gom chất thải, xử lý chất thải nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Tổ chức hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế để nghiên cứu công nghệ nuôi, thức ăn, con giống phục vụ cho nuôi biển công nghệ cao; đào tạo, chuyển giao khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực nuôi biển, đặc biệt hợp tác chuyển giao công nghệ nuôi lồng biển xa bờ.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo nghề nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng cho người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nuôi biển; trong đó tập trung ưu tiên cho việc đào tạo kiến thức về an toàn lao động trên biển và đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Phối hợp, hợp tác với các trường, cơ quan, các tổ chức, hiệp hội trong việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu về nghề nuôi biển.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về tầm quan trọng phát triển nuôi biển theo quy mô công nghiệp; xây dựng và nhân rộng các điển hình thành công trong nuôi biển theo quy mô công nghiệp.

- Đổi mới và xây dựng các chương trình đào tạo nghề nuôi biển theo quy mô trang trại công nghiệp.

5. Giải pháp về xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

- Vận dụng linh hoạt các giải pháp trong Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 để thúc đẩy thương mại và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nuôi biển.

- Lồng ghép hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nuôi biển vào Chương trình xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản của tỉnh.

6. Giải pháp về kinh phí thực hiện

- Thực hiện hợp tác công tư, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển nuôi, chế biến xuất khẩu các đối tượng nuôi biển.

- Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển bao gồm hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Đề án

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ thường xuyên trong quản lý lĩnh vực thủy sản với đề án và các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án có liên quan theo quy định về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định hiện hành.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt vị trí, tọa độ, diện tích các khu vực biển (trong phạm vi 3 hải lý và từ 3 - 6 hải lý) nuôi công nghệ cao trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chủ động xây dựng tiêu chí, phân loại lồng bè ở các mức tiêu chuẩn, công nghệ cao khác nhau (phù hợp khu vực, vùng nuôi, quy mô nuôi, cấp bão chịu đựng,...) để áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình triển khai Đề án nếu có khó khăn vướng mắc thì Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan để thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Hội: Thủy sản Việt Nam, Nuôi biển Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN. Khánh 31

